

Mã đề thi: 1

Thời gian làm bài: 45 phút.
(40 câu trắc nghiệm)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Lớp:

Câu 1: Các thành phần bắt buộc cấu tạo nên tế bào nhân sơ

- A. thành tế bào, nhân, tế bào chất, vỏ nhầy.
- B. màng sinh chất, vùng nhân, vỏ nhầy, tế bào chất.
- C. màng sinh chất, tế bào chất vùng nhân.
- D. thành tế bào, tế bào chất, vùng nhân và roi.

Câu 2: Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo chủ yếu từ

- A. coleston .
- B. xenlulozơ .
- C. photpholipit và protein.
- D. peptidoglican.

Câu 3: Tế bào vi khuẩn có kích nhỏ và cấu tạo đơn giản giúp chúng

- A. có tỷ lệ S/V lớn, trao đổi chất với môi trường nhanh, tế bào sinh sản nhanh hơn tế bào có kích thước lớn.
- B. xâm nhập dễ dàng vào tế bào vật chủ.
- C. tránh được sự tiêu diệt của kẻ thù vì khó phát hiện.
- D. tiêu tốn ít thức ăn.

Câu 4: Đặc điểm cho phép xác định 1 tế bào của sinh vật nhân thực hay của 1 sinh vật nhân sơ là

- A. tế bào di động
- B. vật liệu di truyền được phân tách khỏi phần còn lại của tế bào bằng màng bán thấm.
- C. nó có vách tế bào.
- D. vật liệu di truyền tồn tại ở dạng phức hợp của axit nuclêic và protein.

Câu 5: Một phân tử mỡ bao gồm

- A. 1 phân tử glixerol với 3 axit béo.
- B. 3 phân tử glixerol với 3 axit béo.
- C. 1 phân tử glixerol với 2 axit béo.
- D. 1 phân tử glixerol với 1 axit béo

Câu 6: Ở người, loại tế bào có lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất là

- A. hồng cầu.
- B. biểu bì da.
- C. cơ.
- D. bạch cầu.

Câu 7: Lưới nội chất trơn có nhiệm vụ

- A. tổng hợp protein.
- B. chuyển hoá đường và phân huỷ chất độc hại đối với cơ thể.
- C. cung cấp năng lượng.
- D. cả A, B và C.

Câu 8: Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên

- A. lipit, enzym.
- B. glucozơ, tinh bột, vitamin.
- C. đại phân tử hữu cơ
- D. protein, vitamin.

Câu 9: Chức năng của ADN là

- A. vận chuyển axit amin tới riboxom.
- B. lưu trữ, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.
- C. truyền thông tin tới riboxom.
- D. cấu tạo nên riboxom là nơi tổng hợp protein.

Câu 10: Đơn phân của prôtêin là

- A. glucozơ.
- B. axit béo.
- C. nucleotit.
- D. axit amin.

Câu 11: Vận chuyển thụ động

- A. không cần tiêu tốn năng lượng.
- B. cần tiêu tốn năng lượng.
- C. cần có các kênh protein.
- D. cần các bơm đặc biệt trên màng.

Câu 12: Các loại protein khác nhau được phân biệt nhau bởi

- A. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các axit amin.
- B. số lượng, thành phần axit amin và cấu trúc không gian.
- C. số lượng, thành phần, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.
- D. số lượng, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.

Câu 13: Nếu môi trường bên ngoài có nồng độ của các chất tan lớn hơn nồng độ của các chất tan có trong tế bào thì môi trường đó được gọi là môi trường

- A. ưu trương.
- B. đẳng trương.
- C. nhược trương.
- D. bão hoà.

Câu 14: Đơn phân của ADN là

- A. axit amin.
- B. axit béo.
- C. nucleotit.
- D. bazơ nitơ.

Câu 15: Chất hữu cơ có đặc tính kỵ nước là

- A. protit.
- B. lipit.
- C. cả A và B.
- D. gluxit.

Câu 16: Kiểu vận chuyển các chất ra vào tế bào bằng sự biến dạng của màng sinh chất là

- A. khuếch tán trực tiếp.
- B. vận chuyển thụ động.
- C. vận chuyển chủ động.
- D. xuất, nhập bào.

Câu 17: Các tế bào sau trong cơ thể người, tế bào có nhiều ti thể nhất là tế bào

- A. cơ tim.
- B. xương.
- C. biểu bì.
- D. hồng cầu.

Câu 18: Cacbonhidrat là hợp chất hữu cơ được cấu tạo bởi các nguyên tố

- A. C, H, N, P.
- B. C, H, O, P.
- C. C, H, O, N.
- D. C, H, O.

Câu 19: Tế bào của cùng một cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào "lạ" là nhờ

- A. màng sinh chất có prôtêin thụ thể.
- B. màng sinh chất có "dấu chuẩn".
- C. màng sinh chất có khả năng trao đổi chất với môi trường.
- D. cả A, B và C.

Câu 20: Chức năng không có ở protein là

- A. cấu trúc.
- B. xúc tác quá trình trao đổi chất.
- C. điều hoà quá trình trao đổi chất.
- D. truyền đạt thông tin di truyền.

Câu 21: Tính đa dạng và đặc thù của ADN được quy định bởi

- A. số vòng xoắn.
- B. chiều xoắn.
- C. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các Nucleotit.
- D. tỷ lệ A + T / G + X.

Câu 22: Hai chuỗi polinucleotit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết

- A. hydro.
- B. cộng hoá trị.
- C. ion.
- D. peptit.

Câu 23: Nước có vai trò quan trọng đặc biệt với sự sống vì

- A. chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống.
- B. cấu tạo từ 2 nguyên tố chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống.
- C. chúng có tính phân cực.
- D. có thể tồn tại ở nhiều dạng vật chất khác nhau.

Câu 24: Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

- A. tế bào.
- B. mô.
- C. các đại phân tử.
- D. cơ quan.

Câu 25: Những giới sinh vật thuộc nhóm sinh vật nhân thực là

- A. giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm.
- B. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật.
- C. giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới động vật.
- D. Giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm, giới động vật.

- Câu 26:** Thế giới sinh vật được phân loại thành các nhóm theo trình tự lớn dần là
 A. loài - bộ - họ - chi - lớp - ngành - giới. B. loài - chi - họ - bộ - lớp - ngành - giới.
 C. giới - ngành - lớp - bộ - họ - chi - loài. D. loài - chi - bộ - họ - lớp - ngành - giới.
- Câu 27:** Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa 1 phân tử
 A. tARN dạng vòng. B. rARN dạng vòng. C. mARN dạng vòng. D. ADN dạng vòng.
- Câu 28:** Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì
 A. có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống. B. thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
 C. phát triển và tiến hoá không ngừng. D. có khả năng thích nghi với môi trường.
- Câu 29:** Những thành phần không có ở tế bào động vật là
 A. không bào, diệp lục. B. màng xellulozơ, không bào.
 C. màng xellulozơ, diệp lục D. diệp lục hoặc không bào.
- Câu 30:** Trong phương thức vận chuyển thụ động, các chất tan được khuếch tán qua màng tế bào phụ thuộc vào
 A. đặc điểm của chất tan.
 B. sự chênh lệch nồng độ của các chất tan giữa trong và ngoài màng tế bào.
 C. đặc điểm của màng tế bào và kích thước lỗ màng.
 D. nguồn năng lượng được dự trữ trong tế bào.
- Câu 31:** Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:
 A. C, H, O, N. B. C, H, O, P. C. O, P, C, N. D. H, O, N, P.
- Câu 32:** Hiện tượng phân co nguyên sinh xảy ra khi
 A. tế bào bị mất nước. B. tế bào bị co nguyên sinh nhận được nước
 C. tế bào chết. D. tế bào bị teo lại
- Câu 33:** Nếu bón quá nhiều phân cho cây sẽ làm cho
 A. làm cho cây chậm phát triển. B. làm cho cây héo, chết.
 C. làm cho cây không thể phát triển được. D. cây phát triển mạnh, dễ bị nhiễm bệnh.
- Câu 34:** Màng sinh chất của tế bào ở sinh vật nhân thực được cấu tạo bởi
 A. các phân tử protein và axit nucleic. B. các phân tử photpholipit và axit nucleic.
 C. các phân tử protein và photpholipit. D. các phân tử protein.
- Câu 35:** ADN là một đại phân tử cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là 4 loại
 A. nucleotit (A,T,G,X). B. ribonucleotit (A,T,G,X).
 C. nuclcotit (A, U, G, X). D. ribonucleotit (A,U,G,X).
- Câu 36:** Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì
 A. chức năng chính của chúng là hoạt hoá các emzym.
 B. chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật.
 C. phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật.
 D. chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định.
- Câu 37:** Co nguyên sinh là
 A. một quá trình co tế bào diễn ra ở tế bào thực vật
 B. quá trình xảy ra khi tế bào ở trong môi trường nhược trương, tức áp suất thẩm thấu của môi trường ngoài cao hơn bên trong tế bào và điều này khiến nước thẩm từ ngoài vào trong tế bào.
 C. hiện tượng tế bào chất bị co rút lại và tách khỏi thành tế bào thông qua quá trình thẩm thấu.
 D. hiện tượng tế bào chất bị lồi ra và tách khỏi thành tế bào thông qua quá trình thẩm thấu.
- Câu 38:** Mỗi nucleotit cấu tạo gồm
 A. đường pentozơ và nhóm photphat. B. nhóm photphat và bazơ nito.
 C. đường pentozơ và bazơ nito. D. đường pentozơ, nhóm photphat và bazơ nito.
- Câu 39:** Xenlulozơ được cấu tạo bởi đơn phân là
 A. saccarozơ. B. glucozơ và fructozơ. C. fructozơ. D. glucozơ.
- Câu 40:** ADN là thuật ngữ viết tắt của
 A. axit nucleic. B. axit nucleotit. C. axit đeoxyribonucleic. D. axit ribonucleic.

----- HẾT -----